TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-PT
Ngày: 08 – 5 – 2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Diễn

Bà Trần Thị Túc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 46a/2025/QĐ-PT ngày 16/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn H: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1989; địa chỉ: xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2024).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1963.

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1944.

- Ông Lê Văn V, sinh năm 1977.

- Bà Võ Thị Thùy D, sinh năm 1969.

- Chị Lê Trúc L, sinh năm 1993.

- Anh Lê Thành P, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Lê Thị Kim T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Lê Thị Thu T2, sinh năm 1971; địa chỉ: B đường D, phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn H, là nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Ông Lê Văn H, ông Nguyễn Thanh K, ông Lê Văn T, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị Thu T2 đều có mặt; bà Lê Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; ông Lê Văn V, bà Võ Thị Thùy D, chị Lê Trúc L, anh Lê Thành P, bà Lê Thị Kim T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Văn H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Cha mẹ của ông H là ông Lê M1 và bà Nguyễn Thị K1. Sinh thời, ông M1 và bà K1 có 03 thửa đất gồm:

- Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 1, diện tích 508m², loại đất LUC.

- Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 1, diện tích 618m², loại đất LUC.

- Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 1, diện tích 200m², loại đất LUC.

Cả 3 thửa đất nêu trên đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tổng số tiền được bồi thường là 193.590.600 đồng.

Ông Lê M1 và bà Nguyễn Thị K1 có 5 người con gồm: Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Văn T, Lê Văn H và Lê Văn H2. Ngoài ra, ông M1, bà K1 không còn bất kỳ con riêng, con nuôi nào khác. Ông Lê Minh C năm 2015, bà Nguyễn Thị K1 chết năm 2017 đều không để lại di chúc và cũng không để lại bất kỳ nghĩa vụ nào về tài sản. Vì vậy, ba thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của ông M1, bà K1 để lại cho các đồng thừa kế gồm: Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Văn T, Lê Văn H, và Lê Văn H2. Ông H2 chết năm 2001, nên các con của ông H2 gồm: Lê Thành P1; Lê Thị Thu T2; Lê Thị Kim T1 và Lê Văn V được hưởng thừa kế thế vị đối với phần di sản mà ông H2 được hưởng. Anh Lê Thành P1 (con ông H2) chết năm 2021, nên vợ, con anh P1 là: Võ Thị Thùy D, Lê Trúc L và Lê Thành P được kế thừa phần di sản mà anh P1 được hưởng.

Vì vậy, ông H yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là số tiền 193.590.600 đồng (*một trăm chín mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*) tiền bồi thường do thu hồi đất của ông Lê M1, bà Nguyễn Thị K1 chết để lại thành 05 (năm) kỷ phần cho các đồng thừa kế gồm: Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Văn T, Lê Văn H và Lê Văn H2. Mỗi kỷ phần bằng 38.718.120 đồng. Vì ông Lê Văn T là người đang chiếm giữ số tiền 193.590.600 đồng nên ông T có nghĩa vụ phải trả cho các đồng thừa kế còn lại gồm: Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Văn H và Lê Văn H2 mỗi người 38.718.120 đồng (*ba mươi tám triệu bảy trăm mười tám nghìn một trăm hai mươi đồng*). Ông H2 đã chết năm 2001 nên Lê Thị Thu T2, Lê Thị Kim T1, Lê Văn V, Võ Thị Thùy D, Lê Trúc L và Lê Thành P sẽ nhận phần thừa kế của ông H2.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 22.842.600 đồng là tiền bồi thường về cây cối hoa màu và hỗ trợ ổn định đời sống. Nguyên đơn Lê Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản là số tiền 166.320.000 đồng tiền bồi thường đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Văn T trình bày:* Nhất trí về quan hệ huyến thống và hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng. Ông T cũng xác nhận là có nhận số tiền 193.590.600 đồng tiền bồi thường do thu hồi đất nhưng trong đó có cả phần đất do cha mẹ để lại tại hai thửa đất là 216 và 61 cùng tờ bản đồ số 1 xã Đ và đất do ông T khai hoang (thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 1 xã Đ) chứ không phải chỉ đất của cha mẹ. Ngoài ra, tiền bồi thường còn có bồi thường hoa màu do ông T là người trực tiếp canh tác và các khoản hỗ trợ. Đối với số tiền bồi thường đất do cha mẹ để lại (thửa 216 và 61) là 40.180.000 đồng thì ông T đã tổ chức họp gia đình để phân chia nhưng các anh chị em không thống nhất được. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền 166.320.000 đồng gồm: tiền bồi thường đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp thì ông T không đồng ý. Lý do: Khi còn sống cha, mẹ còn có đất, vườn khác và đã chia cho các anh, chị, em trong gia đình. Sinh thời cha mẹ sống với ông T, ông T là người chăm lo, phụng dưỡng cha mẹ nên được cha mẹ giao cho đất để quản lý, sử dụng. Từ khi cha, mẹ còn sống cho đến sau khi cha, mẹ chết không có ai có ý kiến hay tranh chấp gì nhưng nay đất bị thu hồi, được bồi thường thì nguyên đơn lại yêu cầu phân chia thì ông không đồng ý.

Ngoài ra, bị đơn còn xác định đã giao cho bà Lê Thị M và anh Lê Văn V mỗi người 9.000.000 đồng từ tiền nhận bồi thường xem như chia phần thừa kế cho những người này. Vì vậy, trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thì đề nghị cấn trừ số tiền trên.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị M thống nhất ý kiến:* Theo như bảng kê giá trị bồi thường thì phần tiền bồi thường đất không phải 40.180.000 đồng như ông T trình bày là mà 166.320.000 đồng; trong đó, có 5.600.000 đồng là phần đất ông T khai hoang nên đề xuất phương án là tính tròn tiền đất của cha mẹ để lại là 160.000.000 đồng. Chia thành 5 phần cho 5 anh chị em nhưng không đều nhau mà chia cho ông H, ông T mỗi người 50.000.000 đồng còn lại bà Lê Thị M nhận

20.000.000 đồng, bà Lê Thị H1 nhận 20.000.000 đồng và các con, cháu của anh Lê Văn H2 nhận 20.000.000 đồng nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bà Lê Thị H1 và bà Lê Thị M thống nhất theo yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn Lê Văn H. Ngài ra, bà Lê Thị M cũng thừa nhận có nhận từ ông T số tiền 9.000.000 đồng.

Tại Đơn từ chối tài sản thừa kế ngày 19/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị Thu T2, Lê Thị Kim T1 và Lê Văn V cùng có ý kiến từ chối nhận di sản đối với phần mà ông Lê Văn H2 (cha của Lê Thị Thu T2, Lê Thị Kim T1 và Lê Văn V) được hưởng và để lại cho các cô, chú.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 06/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Thị Thùy D yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Lê Trúc L và Lê Thành P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các văn bản khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chỉ có đơn xin xét xử vắng mặt mà không có ý kiến, yêu cầu gì về việc giải quyết vụ án.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn H. Chia thừa kế di sản của ông Lê M1 và bà Nguyễn Thị K1 là số tiền 45.780.000 đồng thành 05 kỷ phần cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Văn T, Lê Văn H và Lê Văn H2; mỗi kỷ phần là 9.156.000 đồng. Ông Lê Văn T đã nhận số tiền bồi thường là 45.780.000 đồng nên có nghĩa vụ phải trả cho các đồng thừa kế còn lại số tiền mà họ được hưởng, cụ thể như sau:

- Trả cho ông Lê Văn H số tiền: 12.589.500 đồng gồm: 9.156.000 đồng phần di sản ông H được hưởng và 3.433.500 đồng phần ông H được chị Lê Thị Thu T2; chị Lê Thị Kim T1; anh Lê Văn V tặng cho.

- Trả cho bà Lê Thị H1, số tiền 9.156.000 đồng.

- Trả cho bà Lê Thị M số tiền 156.000 đồng;

- Trả cho Chị Võ Thị Thùy D, Lê Trúc L và Lê Thành P số tiền 2.289.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế đối với số tiền 22.842.600 đồng gồm tiền bồi thường cây cối hoa màu và tiền hỗ trợ ổn định đời sống. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu nêu trên bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án; chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định theo quy định pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 02/10/2024, nguyên đơn ông Lê Văn H kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết sửa Bản án dân sự sơ thẩm trên, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Lê Văn H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị H1, Lê Thị Thu T2 thực hiện quyền và nghĩa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt nhiều lần tại phiên tòa).

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn H làm trong hạn luật định là hợp lệ theo các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 02/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, cấp phúc thẩm cần sửa lại cách tuyên án bổ sung tại phần quyết định của bản án sơ thẩm trên, theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn ông Lê Văn H đối với số tiền chuyển đổi nghề nghiệp 120.540.000 đồng.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 20/9/2024, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án. Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn H có mặt. Ngày 03/10/2024, Toà án nhân dân huyện Mộ Đức nhận được đơn kháng cáo của ông Lê Văn H, kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm trên. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, đơn kháng cáo của ông Lê Văn H hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; ông Lê Văn V, bà Võ Thị Thùy D, chị Lê Trúc L, anh Lê Thành P, bà Lê Thị Kim T1 vắng mặt và có đơn xin xét xư vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế:

Theo trích lục khai tử số 457/TLKT-BS ngày 25/11/2021 và số 458/TLKT-BS ngày 25/11/2021 của UBND xã Đ, huyện M thể hiện, cụ Lê Minh C ngày 12/5/2015 và cụ Nguyễn Thị K1 chết ngày 07/02/2018. Ngày 12/9/2023 ông Lê Văn H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ M1, cụ K1 để lại. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2.2] Các bên đương sự đều thừa nhận: Cụ Lê M1 và cụ Nguyễn Thị K1 có 05 người con, gồm: Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Văn T, Lê Văn H và Lê Văn H2. Ngoài ra, cụ M1 và cụ K1 không còn bất kỳ con riêng, con nuôi nào khác. Ông H2 chết năm 2001, nên các con của ông H2 gồm: Lê Thành P1; Lê Thị Thu T2; Lê Thị Kim T1 và Lê Văn V được hưởng thừa kế thế vị đối với phần di sản mà ông H2 được hưởng. Anh Lê Thành P1 (con ông H2) chết năm 2021, nên vợ, con anh P1 là: Võ Thị Thùy D, Lê Trúc L và Lê Thành P được kế thừa phần di sản mà anh P1 được hưởng.

Sự thừa nhận của các đương sự như trên, là các tình tiết và sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xác định di sản của cụ Lê M1 và cụ Nguyễn Thị K1 để lại:

Tại Công văn số 141/UBND ngày 12/10/2022 và Công văn số 09/UBND ngày 23/01/2025 của UBND xã Đ, huyện M xác định:

Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 1, diện tích 508m², loại đất LUC (gọi tắt là thửa 216) và thửa đất số 61, tờ bản đồ số 1, diện tích 618m², loại đất LUC (gọi tắt là thửa 61) được Nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ ông Lê M1. Theo hồ sơ cân đối, phân chia ruộng đất theo Nghị định 64/CP năm 1993 thể hiện: tại thời điểm cân đối hộ ông Lê M1 có 02 nhân khẩu là ông Lê M1 (chủ hộ) và bà Nguyễn Thị K1 (vợ).

Đối với thửa đất số 212, tờ bản đồ số 1, diện tích 200m², loại đất LUC (gọi tắt là thửa 212). Nguyên thửa đất này là do UBND xã Đ quản lý chưa giao và chưa cho thuê. Năm 1984 hộ ông Lê Minh cải T3 và sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Theo bản đồ đo đạc năm 2005 thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13, diện tích 200m², loại đất LUC ông Lê Minh kê K2; thửa đất này không thuộc quỹ đất công ích (5%), đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý. Hiện nay hộ ông Lê M1 đang trực tiếp sản xuất ổn định, không tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn cho rằng riêng thửa đất số 212 là của bị đơn khai hoang, không thuộc quyền sử dụng đất của cha mẹ. Tuy nhiên, bị đơn Lê Văn T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

Do đó, có căn cứ xác định: Các thửa đất 216, 212 và thửa 61 là di sản của cụ M1, cụ K1 để lại.

Thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện M thu hồi toàn bộ 03 thửa đất này và bồi thường tổng cộng số tiền: 193.590.600 đồng, trong đó: Bồi thường về đất nông nghiệp 45.780.000 đồng; bồi thường cây cối, hoa màu: 22.842.600 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 120.540.000 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với số tiền 166.320.000 đồng gồm: 45.780.000 đồng tiền bồi thường về đất và 120.540.000 đồng tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, Hồi đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền 45.780.000 đồng tiền bồi thường về đất thì đây là số tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất của các thửa đất 212, 216 và 61 là di sản của ông Lê M1, bà Nguyễn Thị K1 để lại. Sau khi chết, cụ M1, cụ K1 không để lại di chúc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và chia thừa kế số tiền này thành 05 kỷ phần cho các đồng thừa kế gồm: Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Văn T, Lê Văn H và Lê Văn H2 mỗi kỷ phần được nhận là 9.156.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H về yêu cầu chia thừa kế số tiền 120.540.000 đồng là tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận: Bị đơn ông Lê Văn T là người trực tiếp canh tác trồng lúa từ trước đến nay đối với các thửa đất 212, 216 và 61, các đồng thừa kế khác không ai trực tiếp canh tác các thửa đất ruộng này. Đối với số tiền 120.540.000 đồng tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp thì đây không phải là tài sản của ông M1, bà K1 chết để lại mà là tiền hỗ trợ được phát sinh khi thu hồi đất sau khi ông M1, bà K1 đã chết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì đối tượng được hưởng tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế số tiền 120.540.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Lê Văn H không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nội dung kháng cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H.

Tuy nhiên, tại phần [2.2.2] của bản án sơ thẩm đã nhận định không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với số tiền 120.540.000 đồng, là tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại không tuyên không chấp nhận phần yêu cầu này của nguyên đơn là thiếu sót. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa lại cách tuyên án đối với phần quyết định này.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn H.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng các Điều 612, 613, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn H. Chia thừa kế di sản của ông Lê M1 và bà Nguyễn Thị K1 là số tiền 45.780.000 đồng thành 05 kỷ phần cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Văn T, Lê Văn H và Lê Văn H2; mỗi kỷ phần là 9.156.000 đồng. Ông Lê Văn T đã nhận số tiền bồi thường là 45.780.000 đồng nên có nghĩa vụ phải trả cho các đồng thừa kế còn lại số tiền mà họ được hưởng, cụ thể như sau:

- Trả cho ông Lê Văn H số tiền: 12.589.500 đồng gồm: 9.156.000 đồng phần di sản ông H được hưởng và 3.433.500 đồng phần ông H được chị Lê Thị Thu T2; chị Lê Thị Kim T1; anh Lê Văn V tặng cho.

- Trả cho bà Lê Thị H1, số tiền 9.156.0-00 đồng.

- Trả cho bà Lê Thị M số tiền 156.000 đồng;

- Trả cho Chị Võ Thị Thùy D, Lê Trúc L và Lê Thành P số tiền 2.289.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế đối với số tiền 22.842.600 đồng gồm tiền bồi thường cây cối hoa màu và tiền hỗ trợ ổn định đời sống. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu nêu trên bằng một vụ án khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn H về việc yêu cầu chia thừa kế số tiền 120.540.000 đồng là tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các đương sự gồm: Ông Lê Văn H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị M, bà Lê Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Võ Thị Thùy D, Lê Trúc L và Lê Thành P cùng có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn H.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Dũng